

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày 22-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Ông Vũ Văn Khang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị D; địa chỉ: Số 51 đường N, Khu 3, phường K, thành phố M, tỉnh Q; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lã Thùy D1; nơi cư trú: Số 18 gác 5 cầu thang 2 A6, phường Q, quận H, thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 10 ngày 17/5/2019); có mặt.

- Bị đơn: Ông Phùng Vĩnh D2; nơi cư trú: Số 441 đường L, phường L, quận N, thành phố H; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phùng Ngọc S; bà Vương Thị Thúy D3; bà Phùng Thị Quỳnh T; chị Phùng Thúy L; cùng nơi cư trú: Số 441 đường L, phường L, quận N, thành phố H; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2019, bản tự khai nguyên đơn là Bùi Thị D, và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lã Thùy D1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà Bùi Thị D và ông Phùng Vĩnh D2 là chỗ quan hệ làm ăn, do anh D2 cần vốn để làm ăn kinh doanh, nên ngày 27/12/2010 bà D và anh Phùng Vĩnh D2 ký kết Hợp đồng vay tiền với nội D (theo Hợp đồng ủy quyền tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Hải Phòng Công chứng số 189/TĐT/10.HĐUQ quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/12/2010) bà Bùi Thị D cho ông Phùng Vĩnh D2 vay số tiền là 800.000.000 đồng để làm ăn, buôn bán; thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 27/12/2010 đến ngày 27/3/2011. Hợp đồng vay tiền nói trên đã được Phòng Công chứng số 2 thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh chứng thực ngày 27/12/2010, thời điểm vay hai bên thống nhất thỏa thuận trả lãi theo lãi suất của Ngân hàng.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông D2 cùng những ông bà S, Thúy D3, T, L đã ký Hợp đồng ủy quyền tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Hải Phòng Công chứng số 189/TĐT/10.HĐUQ quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/12/2010), thể hiện nội D: Ủy quyền cho anh Phùng Vĩnh D2 thế chấp tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng 300 m² đất tại địa chỉ: Khu 1, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 795766 ngày 14/3/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cấp cho hộ ông Phùng Vĩnh D2. Tài sản bảo đảm này được Phòng Công chứng số 2 thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh chứng thực, nhưng không đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết Hợp đồng vay tiền tại Phòng Công chứng số 2 thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, ông D2 là người nhận từ bà D số tiền vay 800.000.000 đồng tại nhà bà Bùi Thị D tại số 51 đường Nguyễn Văn Cừ, khu 3, phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Toàn bộ số tiền vay trên, ông D2 là người trực tiếp sử dụng, các ông bà Phùng Ngọc S, Vương Thị Thúy D3, Phùng Thị Quỳnh T, Phùng Thúy L không sử dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông D2 trả được cho bà D 01 tháng tiền lãi đến ngày 27/01/2011, sau đó ông D2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Bà

D đã gặp ông D2 đề nghị trả nợ, nhưng ông D2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Nay, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Phùng Vĩnh D2 phải trả nợ cho bà Bùi Thị D tổng số tiền 1.448.667.000 đồng, tính từ ngày 28/01/2011 đến ngày 22/9/2020 là 115 tháng 25 ngày; trong đó: Nợ gốc là: 800.000.000 đồng; nợ lãi: $(115 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}) \times (800.000.000 \times 0,7\%/\text{tháng}) = 648.667.000 \text{ đồng}$.

Đối với tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng vay tài sản ngày 27/12/2010 là Quyền sử dụng đất là 300 m² đất tại địa chỉ: Khu 1, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản bảo đảm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phùng Vĩnh D2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Phùng Ngọc S, Vương Thị Thúy D3, Phùng Thị Quỳnh T, chị Phùng Thúy L đã được Tòa án thông báo tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Báo Công lý...., cũng như việc Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không đến Tòa án để làm việc, không có quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện, nên Tòa án không tiến hành được việc lấy lời khai của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như nội D đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là: 1.448.667.000 đồng (tính từ ngày 28/01/2011 đến ngày 22/9/2020 là 115 tháng 25 ngày); trong đó: Nợ gốc là: 800.000.000 đồng; nợ lãi: $(115 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}) \times (800.000.000 \times 0,7\%/\text{tháng}) = 648.667.000 \text{ đồng}$. Đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm tại Hợp đồng vay tài sản ngày 27/12/2010 là Quyền sử dụng đất là 300 m² đất tại địa chỉ: Khu 1, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 795766 ngày 14/3/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cấp cho hộ ông Phùng Vĩnh D2.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; bị đơn anh Phùng Vĩnh D2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Phùng Ngọc

S, Vương Thị Thúy D3, Phùng Thị Quỳnh T, Phùng Thúy L không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội D: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập chứng cứ trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị D. Buộc bị đơn Phùng Vĩnh D2 phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là: 1.448.667.000 đồng (tính từ ngày 28/01/2011 đến ngày 22/9/2020 là 115 tháng 25 ngày); trong đó: Nợ gốc là: 800.000.000 đồng; nợ lãi: (115 tháng 25 ngày) x (800.000.000 x 0,7%/tháng) = 648.667.000 đồng; đối với việc rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản bảo đảm của hộ ông Phùng Vĩnh D2 là Quyền sử dụng đất là 300 m² đất tại địa chỉ: Khu 1, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 795766 ngày 14/3/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cấp cho hộ ông Phùng Vĩnh D2 nên chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với tài sản bảo đảm đứng tên hộ ông Phùng Vĩnh D2; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Phùng Ngọc S, Vương Thị Thúy D3, Phùng Thị Quỳnh T, Phùng Thúy L không được trực tiếp sử dụng số tiền trên và tại Hợp đồng số 189/TĐT/10.HĐUQ quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/12/2010 của các ông S, bà Thúy D, bà T, chị L ủy quyền cho anh Phùng Vĩnh D2 về nội D ủy quyền: “Lập và ký kết các hợp đồng để cho thuê, tặng cho, chuyển nhượng hoặc thế chấp tài sản nêu trên để vay vốn Ngân hàng; đăng ký thế chấp tài sản và xóa đăng ký thế chấp tài sản nêu trên tại các cơ quan có thẩm quyền...”. Như vậy, Hợp đồng vay tiền ngày 27/12/2010 của Phòng Công chứng số 2, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh được ký với nguyên đơn và bị đơn là cá nhân, không phải để vay vốn Ngân hàng và cũng không được đăng ký thế chấp tài sản, nên vượt quá phạm vi ủy quyền. Nên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Ngọc S, bà Vương Thị Thúy D3, bà Phùng Thị Quỳnh T, chị Phùng Thúy L không có nghĩa vụ trả nợ cho bà D theo hợp đồng vay tiền mà ông D2 đã ký kết; về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:
- + Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Nguyên đơn bà Bùi Thị D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn Phùng Vĩnh D2 phải trả nợ theo thiệp đồng đã ký kết. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn anh Phùng Vĩnh D2 có nơi cư trú tại địa chỉ: Số 441 đường L, phường L, quận N, thành phố H. Đó đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, .

+ Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3] Bị đơn là anh Phùng Vĩnh D2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Phùng Ngọc S, Vương Thị Thúy D3, Phùng Thị Quỳnh T, chị Phùng Thúy L đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ đến lần thứ hai tại địa chỉ số 441 đường L, phường L, quận N, thành phố H nhưng bị đơn, và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ và đều vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Như vậy, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Do đó, bị đơn thuộc trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Về pháp luật áp dụng:

[4] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 khi giải quyết tranh chấp áp dụng Bộ luật Dân sự 2005.

- Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

[5] Ngày 27/12/2010, nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng vay tiền người tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, Hợp đồng vay tài sản trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại các điều 122, 124, 388, 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[6] Nguyên đơn đã thực hiện đúng Hợp đồng vay tiền ngày 27/12/2010 đã được các bên ký tại Phòng Công chứng số 2, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng

Ninh, đã giao đủ số tiền 800.000.000 đồng. Việc bà D cho ông D2 vay, ông D2 là người trực tiếp nhận số tiền 800.000.000 đồng và sử dụng số tiền trên, các ông Phùng Ngọc S; bà Vương Thị Thúy D3; bà Phùng Thị Quỳnh T; Phùng Thúy L không được sử dụng, không liên quan đến số tiền trên. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng như đã ký kết. Nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn là anh Phùng Vĩnh D2 phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 800.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

- Xét yêu cầu trả tiền lãi:

[7] Về thời điểm tính lãi: Theo hợp đồng vay tiền ngày 27/12/2010 thì thời hạn bị đơn phải trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn là ngày 27/3/2011 và tiền lãi được hai bên thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng. Nguyên đơn xác nhận bị đơn mới trả được khoản tiền lãi cho nguyên đơn được 01 tháng đối với số tiền nợ 800.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi từ ngày 28/01/2010 đến thời điểm xét xử ngày 22/9/2020 là có căn cứ. Như vậy, thời gian chậm trả tiền lãi của bị đơn tính đến ngày xét xử là 115 tháng 25 ngày.

[8] Về mức lãi suất: Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền là theo mức lãi suất của Ngân hàng. Căn cứ quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam hiện đang áp dụng là 9%/năm, tức là 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi theo mức lãi suất là 0,7%/tháng, tức 8,4%/ năm. Xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, ông D2 phải thanh toán cho bà D số tiền nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả là: Nợ gốc là: 800.000.000 đồng; nợ lãi: (115 tháng 25 ngày) x (800.000.000 x 0,7%/tháng) = 648.667.000 đồng.

- Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản bảo đảm trong hợp đồng vay tiền của nguyên đơn:

[9] Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản bảo đảm của hộ ông Phùng Vĩnh D2 là Quyền sử dụng đất là 300 m² đất tại địa chỉ: Khu 1, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 795766 ngày 14/3/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cấp cho hộ ông Phùng Vĩnh D2. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với tài sản bảo đảm đứng tên hộ ông Phùng Vĩnh D2.

- Về trách nhiệm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Hợp đồng vay tiền:

[10] Căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền được phòng Công chứng số 3 thành phố Hải Phòng Công chứng số 189/TĐT/10.HĐUQ quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/12/2010 của các ông Phùng Ngọc S, bà Vương Thị Thúy D3, bà Phùng Thị Quỳnh T, chị Phùng Thúy L ủy quyền cho anh Phùng Vĩnh D2 về nội D ủy quyền: “Lập và ký kết các hợp đồng để cho thuê, tặng cho, chuyển nhượng hoặc thế chấp tài sản nêu trên để vay vốn Ngân hàng; đăng ký thế chấp tài sản và xóa đăng ký thế chấp tài sản nêu trên tại các cơ quan có thẩm quyền.....”.Như vậy, Hợp đồng vay tiền ngày 27/12/2010 của Phòng Công chứng số 2, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh được ký với nguyên đơn và bị đơn là cá nhân, không phải để vay vốn Ngân hàng và cũng không được đăng ký thế chấp tài sản, nên việc ông D2 thay mặt để ký giao dịch với bà D là vượt quá phạm vi ủy quyền. Hội đồng xét xử xét, việc trả nợ cho bà D là trách nhiệm của anh Phùng Vĩnh D2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Ngọc S, bà Vương Thị Thúy D3, bà Phùng Thị Quỳnh T, chị Phùng Thúy L không có nghĩa vụ trả nợ cho bà D theo hợp đồng vay tiền mà ông D2 đã ký kết.

[12] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phùng Vĩnh D2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Bùi Thị D; bị đơn anh Phùng Vĩnh D2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Ngọc S, bà Vương Thị Thúy D3, bà Phùng Thị Quỳnh T, chị Phùng Thúy L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 203, khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ khoản 3 Điều 40, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị D: Buộc ông Phùng Vĩnh D2 phải trả nợ cho bà Bùi Thị D với tổng số tiền là: 1.448.667.000 (một tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng, tính từ ngày 28/01/2011 đến ngày 22/9/2020 là 115 tháng 25 ngày); cụ thể:

- Nợ gốc là: 800.000.000 đồng;
- Nợ lãi: $(115 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}) \times (800.000.000 \times 0,7\%/\text{tháng}) = 648.667.000$ đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn về việc giải quyết tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất là 300 m² đất; tại địa chỉ: Khu 1, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 795766 ngày 14/3/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cấp cho hộ ông Phùng Vĩnh D2 trong trường hợp bị đơn không thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn.

3. Về án phí:

Anh Phùng Vĩnh D2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.460.010 (năm mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, không trăm mười) đồng.

Trả lại cho bà Bùi Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.072.000 đồng (hai mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006338 ngày 09 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Bà Bùi Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phùng Vĩnh D2, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Ngọc S, bà Vương Thị Thúy D3, bà Phùng Thị Quỳnh T, chị Phùng Thúy L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng